

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2026
của Ban Quản lý bảo trì đường bộ**

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-XD ngày 31/12/2025 của Sở Xây dựng Sơn La phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2026 của Ban Quản lý bảo trì đường bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2026 của Ban Quản lý bảo trì đường bộ (chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp; Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Ban Giám đốc Ban;
- Tổ Website Ban;
- Lưu: VT, KHTH (K06b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Hải



Đơn vị: Ban Quản lý bảo trì đường bộ

Chương: 421

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-BQLBT ngày 31/12/2025 của Ban QLBT đường bộ)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	DỰ TOÁN THU	17.227.587.300
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	5.912.196.300
2	Thu trong năm 2025	11.315.391.000
B	DỰ TOÁN CHI	11.315.391.000
I	Chi thường xuyên giao tự chủ	6.348.174.000
1	Tiền lương	2.706.982.000
2	Các khoản phụ cấp lương	1.000.512.000
3	Các khoản trích nộp theo lương	649.482.000
4	Khen thưởng	270.698.000
5	Chi phúc lợi tập thể	15.000.000
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	150.000.000
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	120.200.000
8	Chi mua vật tư văn phòng	200.000.000
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	262.400.000
10	Chi hội nghị	10.000.000
11	Chi thanh toán công tác phí	513.400.000
12	Chi phí thuê mướn	250.000.000
13	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	65.000.000
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	66.500.000
15	Chi phí khác	68.000.000
II	Trích lập các quỹ (theo ND 60/2021/ND-CP)	4.967.217.000
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.241.804.000
2	Quỹ bổ sung thu nhập	2.934.791.000
3	Quỹ Khen thưởng, Quỹ phúc lợi	790.622.000